**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**ĐỊA LÍ 11**

**A. LÝ THUYẾT:** *(7 điểm)*

**CHỦ ĐỀ 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI**

**BÀI 1 SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CÁC NHÓM NƯỚC**

**I. CÁC NHÓM NƯỚC**

**1. Các nhóm nước trên thế giới**

- Các nước phát triển có:

+ Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người) cao.

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức cao trở lên.

+ Cơ cấu kinh tế hiện đại, trong đó: nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thường có tỷ trọng thấp nhất; nhóm ngành dịch vụ có tỷ trọng cao nhất.

- Đa số các nước đang phát triển, có:

+ Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người) ở mức trung bình cao, trung bình thấp và thấp.

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức từ thấp, đến trung bình và cao.

+ Trong cơ cấu ngành kinh tế của các nước đang phát triển: nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhóm ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cao hơn so với nhóm ngành dịch vụ.

**II. SỰ KHÁC BIỆT VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI CÁC NHÓM NƯỚC**

**1. Khác biệt về kinh tế**

**- Các nước phát triển:**

+ Có đóng góp lớn về quy mô GDP toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ổn định.

+ Một số nền kinh tế có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế gần như đạt ngưỡng giới hạn.

+ Nền kinh tế đang chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.

+ Trình độ phát triển kinh tế cao, các ngành có làm lượng khoa học công nghệ chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất và thương mại.

+ Một số nước phát triển là trung tâm tài chính toàn cầu, có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới.

**- Phần lớn các nước đang phát triển:**

+ Có quy mô GDP chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu GDP toàn cầu (trừ Trung Quốc và Ấn Độ).

+ Nhiều quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, trong đó: ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng chưa cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp; các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, nguyên liệu, lao động còn chiếm tỉ trọng lớn.

**BÀI 2 TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

**1. Biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế**

**a) Thương mại thế giới phát triển**

- Tốc độ tăng trưởng của thương mại ngày càng nhanh và luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Sự ra đời và hoạt động hiệu quả của Tổ chức Thương mại thế giới đã thúc đẩy tự do thương mại làm nền kinh tế thế giới được phát triển năng động.

- Hoạt động thương mại trên thế giới ngày càng được tự do hơn.

- Hợp tác song phương đa phương ngày càng trở nên phổ biến.

**b) Thị trường tài chính quốc tế mở rộng**

- Toàn cầu hóa trong lĩnh vực tài chính:

+ Được biểu hiện qua các nội dung cơ bản: tự do hóa lãi suất; tự do hóa tham gia các hoạt động ngân hàng và dịch vụ tài chính trên toàn thế giới, không phân biệt biên giới; tự do hóa việc di chuyển các nguồn vốn quốc tế….

+ Quá trình này diễn ra trên hệ thống nền tài chính quốc gia, hội nhập lẫn nhau, tác động mạnh mẽ.

- Các ngân hàng lớn của các quốc gia kết nối với nhau tạo nên một mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu. Một số tổ chức như: Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Nhóm Ngân hàng Thế giới,.. ngày càng có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của toàn cầu cũng như kinh tế xã hội của các quốc gia.

**c) Tăng cường vai trò của các công ty đa quốc gia**

- Các công ty đa quốc là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa. Số lượng các công ty quốc gia và các chi nhánh không ngừng tăng lên, chiếm thị phần ngày càng cao trong nền kinh tế thế giới.

- Vai trò của các các công ty đa quốc gia:

+ Ảnh hưởng lớn đến nhiều lĩnh vực như: tài chính, công nghệ, dịch vụ và lao động…. + Tác động mạnh mẽ đến việc hình thành và vận hành các chuỗi cung ứng toàn cầu.

+ Khai thác tốt hơn các lợi thế so sánh của các quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển.

**d) Gia tăng số lượng các tiêu chuẩn áp dụng toàn cầu**

- Các tiêu chuẩn thống nhất về sản phẩm, quản lý quá trình, cung cấp dịch vụ. …ngày càng được áp dụng nhiều trên các lĩnh vực và phạm vi toàn cầu. Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế góp phần thúc đẩy phát triển thương mại toàn cầu.

- Các nước phát triển có hệ thống tiêu chuẩn cao hơn các nước đang phát triển. Trong quá trình hội nhập, các nước đang phát triển ngày càng hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn để nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận thị trường quốc tế hiệu quả hơn.

**2. Hệ quả và ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới**

**a) Hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế**

**- Hệ quả tích cực:**

+ Thúc đẩy sự hợp tác quốc tế, phát triển sản xuất, tăng trưởng nhanh kinh tế toàn cầu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Tạo nhiều cơ hội học tập và giao lưu, tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại.

**- Hệ quả tiêu cực:**

+ Làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia.

+ Đặt các quốc gia đứng trước những thách thức như: giữ gìn bản sắc dân tộc, giá trị truyền thống.

+ Gia tăng nguy cơ bị phụ thuộc, giảm tính tự chủ và nguy cơ tụt hậu đối với những quốc gia có nền kinh tế phát triển không bền vững.

**b) Ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới:**

- Cơ hội: làm gia tăng nguồn lực phát triển kinh tế của các nước, như: vốn đầu tư, khoa học - công nghệ, thị trường….

- Thách thức:

+ Đặt ra nhiều vấn đề trong phát triển kinh tế với các nước như: xây dựng thương hiệu sản phẩm; chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp; hoàn thiện các thể chế để thích ứng với xu hướng hội nhập; nâng cao trình độ phát triển kinh tế….

+ Các vấn đề về xã hội và môi trường như: chênh lệch giàu nghèo, y tế, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu,… trở thành mối quan tâm chung của các quốc gia.

**II. KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

**1. Biểu hiện của khu vực hóa kinh tế**

Có các kiểu liên kết phổ biến, như:

+ Liên kết tam giác phát triển: tam giác tăng trưởng Inđônêxia - Malaixia - Xingapo; Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ giữa Bỉ - Đức - Hà Lan, …

+ Liên kết khu vực: Liên minh châu Âu; Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Thị trường chung Nam Mỹ,…

+ Diễn đàn liên kết khu vực: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương; Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu,…

**2. Hệ quả và ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới**

**a)** **Hệ quả của khu vực hóa kinh tế**

**- Hệ quả tích cực:**

+ Tạo nên động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, tăng cường tự do hóa thương mại, đầu tư, dịch vụ giữa các quốc gia và các khu vực với nhau.

+ Lợi ích kinh tế của các nước thành viên được đảm bảo trong tổ chức khu vực.

+ Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia, tạo lập những thị trường khu vực rộng lớn, tạo nền tảng cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

**- Hệ quả tiêu cực:** xu hướng khu vực hóa kinh tế đặt ra không ít các vấn đề như: tính tự chủ kinh tế; vấn đề cạnh tranh giữa các khu vực, …

**b)** **Ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới**

- Đối với mỗi quốc gia, việc tham gia vào các tổ chức khu vực có ý nghĩa quan trọng:

+ Góp phần tăng cường hợp tác, liên kết giữa các nước.

+ Tăng vị thế, vai trò của các quốc gia.

+ Phát huy năng lực quốc gia trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức khu vực.

+ Thúc đẩy tham gia vào toàn cầu hóa, thuận lợi.

**BÀI 5 MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC**

**I. LIÊN HỢP QUỐC**

**- T**hành lập: 24/10/1945; trụ sở chính: Niu Ooc - Hoa Kỳ.

- Năm 2020, Liên hợp quốc có 193 thành viên. Việt Nam là thành viên chính thức của Liên hợp quốc từ năm 1977.

- Mục tiêu: duy trì một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.

- Nhiệm vụ:

+ Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế;

+ Bảo vệ quyền con người;

+ Cung cấp viện trợ nhân đạo;

+ Hỗ trợ phát triển bền vững và hành động vì khí hậu;

+ Giữ vững luật quốc tế;

+ Giải quyết các vấn đề toàn cầu.

**II. QUỸ TIỀN TỆ QUỐC TẾ**

- Thành lập: 7/1994; trụ sở chính: Oa-sinh-tơn của Hoa Kỳ.

- Năm 2020, Tổ chức có 190 quốc gia thành viên, Việt Nam là thành viên chính thức của quỹ tiền tệ quốc tế từ 1967.

- Nhiệm vụ:

+ Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu bằng cách theo dõi tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán;

+ Thu thập dữ liệu và đưa ra các dự báo kinh tế cho các nước;

+ Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo giúp chính phủ các nước thực hiện chính sách kinh tế hợp lý;

+ Cung cấp các khoản cho vay;

+ Hỗ trợ tài chính cho các nước thành viên khi có yêu cầu;

+ Đảm bảo an ninh tài chính toàn cầu.

**III. TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)**

- Thành lập: 1/1/1995; nhằm hướng tới nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch.

- Trụ sở chính: Giơ-ne-vơ - Thụy Sỹ.

- Năm 2020 tổ chức này có 164 thành viên. Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO vào năm 2007.

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức diễn đàn cho các cuộc đàm phán thương mại đa phương;

+ Giải quyết các tranh chấp thương mại;

+ Giám sát các chính sách thương mại của các quốc gia;

+ Thúc đẩy thực hiện những hiệp định và can thiệp đạt kết quả trong khuôn khổ WTO;

+ Hỗ trợ kỹ thuật đào tạo cho các nước đang phát triển;

+ Hợp tác tổ chức quốc tế khác liên kết đến các hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu.

**IV. DIỄN ĐÀN HỢP TÁC KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG (APEC)**

- Thành lập: 11/1989 nhằm: hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững và thịnh vượng của khu vực.

- Ban thư kí thường trực của APEC có trụ sở tại Xin-ga-po.

- Năm 2020, APEC có 21 thành viên. Việt Nam là thành viên chính thức của APEC từ năm 1998.

- Nhiệm vụ:

+ Thúc đẩy tự do thương mại và đầu tư trong khu vực;

+ Khuyến khích hợp tác kinh tế - kỹ thuật giữa các thành viên;

+ Điều chỉnh các quy định và tiêu chuẩn trên toàn khu vực;

+ Phối hợp trong xây dựng và phát triển các sáng kiến hành động dựa trên những chính sách thỏa thuận đạt được trong khu vực.

**BÀI 6 MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU**

**I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU**

**1. An ninh lương thực:**

- Được hiểu là sự đảm bảo của mỗi quốc gia và thế giới về nguồn cung cấp lương thực cho người dân để hạn chế và đẩy lùi tình trạng thiếu lương thực, nạn đói và tình trạng phụ thuộc nguồn lương thực nhập khẩu.

- Tình trạng mất an ninh lương thực là vấn đề toàn cầu. Năm 2021, thế giới có khoảng 2.3 tỉ người (chiếm 29.3% dân số thế giới) bị đói, thiếu dinh dưỡng, trong đó: Đông Phi, Trung Phi và Nam Á là những khu vực chịu tác động mạnh nhất của nạn đói.

**2. An ninh nguồn nước:**

- Được hiểu là sự đảm bảo về trữ lượng nước, chất lượng để phục vụ cho sinh kế, hoạt động sản xuất, môi trường sinh thái, đồng thời cũng là sự đảm bảo trước các dịch bệnh, thiên tai liên quan đến nước, bảo tồn hệ sinh thái trong môi trường hòa bình và ổn định chính trị.

- Vấn đề an ninh nguồn nước trên toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức, đe dọa.

**3. An ninh năng lượng**

- Được hiểu là việc duy trì các nguồn cung cấp năng lượng, giá cả hợp lí, đồng thời phải tiến hành công tác bảo vệ môi trường và cung cấp khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

**4. An ninh mạng**

- Được hiểu là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BẢO VỆ HOÀ BÌNH**

- Bảo vệ hòa bình là đảm bảo tình trạng bình yên, ổn định cho phát triển, không có chiến tranh hay xung đột vũ trang, duy trì mối quan hệ hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng và hợp pháp giữa các quốc gia, dân tộc và người dân.

- Trên thế giới hiện nay có nhiều mối đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế như: đói nghèo; xung đột vũ trang; biến đổi khí hậu; tranh chấp biên giới, lãnh thổ trên đất liền và trên biển,…

- Bảo vệ hòa bình trên thế giới giúp: tăng trưởng kinh tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác; tạo sự thịnh vượng cho các quốc gia; đem lại cuộc sống tự do ấm no, hạnh phúc cho nhân loại. Do đó, bảo vệ hòa bình là trách nhiệm của mỗi quốc gia và mọi người trên thế giới.

- Để bảo vệ hòa bình thế giới, các quốc gia cần:

+ Tăng cường đối thoại để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột;

+ Loại bỏ vũ khí hạt nhân và các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác;

+ Tham gia lực lượng giữ gìn hòa bình Liên hợp quốc;

+ Phối hợp hành động giữa các quốc gia và tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế.

**CHỦ ĐỀ 2. MỸ LATINH**

**I. DÂN CƯ, XÃ HỘI**

1. Dân cư

- Quy mô dân số:

+ Mỹ Latinh có số dân khoảng 652 triệu người (năm 2020).

+ Quy mô dân số có sự chênh lệch lớn giữa các quốc gia: Bra-xin là quốc gia đông dân nhất với hơn 200 triệu người, Mê-hi-cô đứng thứ hai với quy mô trên 100 triệu người (năm 2020); Đô-mi-ni-ca-na, Xen-kít và Nê-vít,... có số dân chỉ vài chục nghìn người.

- Tỉ lệ gia tăng dân số: khá thấp, khoảng 0,94% (năm 2020) và có sự chênh lệch giữa các quốc gia.

**- Mật độ dân số:**

+ Mật độ dân số trung bình của khu vực là 33 người/km2 (năm 2020).

+ Dân cư phân bố không đồng đều giữa các khu vực địa hình. Ví dụ: dân cư tập trung đông ở khu vực ven biển, thưa thớt ở các vùng nội địa; Tuy nhiên, ở một số quốc gia như Ác-hen-ti-na, Cô-lôm-bi-a, Mê-hi-cô,... có địa hình sơn nguyên, đồi núi nhưng mật độ dân số cao.

**- Cơ cấu dân số:**

+ Dân số Mỹ Latinh đang có xu hướng già hoá, tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao tạo ra nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn, thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, hầu hết nền kinh tế ở các quốc gia thuộc khu vực Mỹ Latinh phát triển chưa cao, gây ra những sức ép về vấn đề việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

+ Cơ cấu dân số theo giới tính của khu vực Mỹ Latinh có tỉ lệ khá cân bằng giữa nam và nữ. Vấn đề bình đẳng giới trong xã hội vẫn còn nhiều hạn chế.

**- Thành phần dân cư:**

+ Khu vực Mỹ Latinh có thành phần dân cư đa dạng, bao gồm: người bản địa (người Anh-điêng); người có nguồn gốc châu Âu, chủ yếu là Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha; người da đen gốc Phi; người gốc Á và người lai.

+ Sự đa dạng về chủng tộc đã tạo nên một nền văn hóa đa dạng, đặc sắc.

- **Đặc điểm đô thị hóa:**

+ Quá trình đô thị hóa sớm, mức độ đô thị hóa cao với trên 81% dân số sống ở khu vực thành thị (năm 2020).

+ Trình độ đô thị hóa thấp.

+ Ở Mỹ Latinh đã hình thành một số siêu đô thị như: Mê-hi-cô Xi-ti, Xao Pao-lô, Ri-ô đê Gia-nê-rô...

+ Trình độ đô thị hóa thấp đã gây sức ép lớn đến vấn đề giải quyết việc làm, nhà ở, cơ sở vật chất, vấn đề xã hội (tệ nạn, nghèo đói,...), môi trường,...

**2. Xã hội**

- Chất lượng cuộc sống người dân được cải thiện thông qua: HDI, tuổi thọ trung bình và tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ, GNI/người.

- Có sự kết hợp của nhiều nền văn hóa trên thế giới và văn hóa bản địa tạo nên một nền văn hóa có sức hấp dẫn.

- Bên cạnh những thành tựu về xã hội, một số quốc gia ở Mỹ Latinh còn tồn tại những vấn đề cần giải quyết như: chênh lệch mức sống, khoảng cách giàu nghèo,...

- Vấn đề giảm chênh lệch giàu nghèo, đảm bảo sự công bằng trong khả năng tiếp cận những dịch vụ như y tế, giáo dục,... đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

**II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Quy mô GDP**

- GDP khu vực Mỹ Latinh chiếm khoảng 6% GDP toàn thế giới (năm 2020). Giữa các quốc gia trong khu vực, GDP có sự chênh lệch rất lớn.

- Nền kinh tế khu vực còn phụ thuộc nhiều vào tư bản nước ngoài, các quốc gia trong khu vực có tỉ lệ nợ nước ngoài cao so với GDP.

- Nợ nước ngoài đã tác động xấu đến kinh tế - xã hội ở các nước, như:

+ Kìm hãm tốc độ tăng trưởng;

+ Khả năng tích lũy của nền kinh tế thấp;

+ Gây khó khăn trong vấn đề giải quyết việc làm, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, dẫn đến tình trạng khủng hoảng toàn diện về kinh tế - xã hội.

**2. Tăng trưởng kinh tế**

- Tốc độ tăng GDP của khu vực Mỹ Latinh không ổn định, do: tình hình chính trị bất ổn ở các quốc gia, nợ nước ngoài cao ở một số quốc gia, dịch bệnh,...

**3. Cơ cấu kinh tế**

- Cơ cấu GDP khu vực Mỹ Latinh có sự chuyển dịch rõ rệt, với tỉ trọng ngành dịch vụ cao và có xu hướng tăng, chiếm hơn 60% (năm 2020).

- Một số quốc gia trong khu vực có cơ cấu kinh tế tương đương các nước phát triển, như Bra-xin, Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na, Chi-lê,...

**4. Các ngành kinh tế nổi bật**

♦ **Công nghiệp:**

- Đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của các quốc gia Mỹ Latinh.

- Các ngành công nghiệp nổi bật của khu vực là khai khoáng (dầu khí, vàng, đồng, than,...), điện tử - tin học, luyện kim, sản xuất ô tô, chế tạo máy bay,...

- Những quốc gia có ngành công nghiệp phát triển trong khu vực: Bra-xin, Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na, Chi-lê.

♦ **Nông nghiệp:**

- Mỹ Latinh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.

- Một số cây trồng chủ yếu: mía đường, đậu tương, chuối, cà phê,... Chăn nuôi bò thịt, bò sữa theo hình thức công nghiệp với quy mô lớn, hiện đại.

- Hiện nay, các quốc gia Mỹ Latinh đang chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao để tạo ra các sản phẩm chất lượng, tốt cho sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

♦ **Dịch vụ:**

- Chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP, thu hút hơn 60% lao động khu vực Mỹ Latinh (năm 2020).

- Các ngành du dịch vụ nổi bật:

+ Du lịch được xem là ngành thế mạnh, dựa trên việc khai thác những giá trị về tự nhiên và văn hóa.
+ Ngoại thương cũng là ngành đặc biệt quan trọng. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu của khu vực: Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU,... với các mặt hàng nông sản và các sản phẩm công nghiệp như cà phê, đậu tương, đường, quặng sắt, đồng, dầu mỏ,...

+ Ngành giao thông vận tải biển phát triển. Kênh đào Pa-na-ma nối liền Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, giúp rút ngắn lộ trình của các chuyến tàu, cắt giảm chi phí, thúc đẩy giao thương, phát triển kinh tế toàn cầu.

**B. KĨ NĂNG** *(3 điểm)*

- Phân tích được bảng số liệu về kinh tế của Mỹ La-tinh.

- Tính toán và nhận xét tỉ lệ nợ nước ngoài, tỉ trọng GDP phân theo các ngành kinh tế của Mỹ La-tinh.

**C. CẤU TRÚC ĐỀ**

**PHẦN I**. **Trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn *(4 điểm)***

- Tỉ lệ: 40% = 16 câu

- Mức độ: Biết

**Phần II. Tự luận *(6 điểm)***

- Tỉ lệ: 60% = 3 câu

- Mức độ:

* Hiểu = 30% (Lí thuyết)
* Vận dụng = 20% (Kĩ năng xử lí bảng số liệu thống kê)
* Vận dụng cao = 10% (Kĩ năng viết báo cáo)